

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
HA LONG CANNED FOOD
JOINT STOCK CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số/No.: 02/2023/BC-HĐQT

TP. Hải Phòng/ Hai Phong City, ngày/dated 27/01/2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(năm/year 2023)

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

To: - The State Securities Commission
- Hà Nội Stock Exchange

Tên Công Ty/ : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG ("Công Ty")
Name of company/ Ha Long Canned Food Joint Stock Corporation (the "Company")
Địa chỉ trụ sở chính/ : 71 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Address of head office/ 71 Le Lai, May Chai Ward, Ngo Quyen District, Haiphong City
Điện thoại/ : 0225.3836692 - Fax: 0225.3836155 - Email:
Telephone/ halong@canfoco.com.vn
Vốn điều lệ/ : 50.000.000.000 VND (bằng chữ/ in words: Năm mươi tỷ đồng/ Fifty
Charter capital/ billion Vietnam Dong)
Mã chứng khoán/ : CAN
Securities code/
Mô hình quản trị công ty/ : Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ"), Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban
Governance model/ Kiểm soát ("BKS") và Tổng Giám đốc.
General Meeting of Shareholders ("GMS"), Board of Management
(the "BOM"), Board of Supervisory (the "SB") and Chief Executive
Officer.
Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội : Đã thực hiện/ implemented.
bộ/ The implementation of internal audit

I. Hoạt động của Đại Hội Đồng Cổ Đông ("ĐHĐCĐ")/ Activities of the General Meeting of Shareholders (the "GMS"):

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ (bao gồm cả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions, and decisions of the GMS (including the resolutions of the GMS approved in the form of written comments):

STT/ No.	Số Nghị quyết/Quyết định/ Resolution/ Decision No.	Ngày/Date	Nội dung/Content
1	01/2022/NQ-ĐHĐCĐ	22/04/2022	- Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022 của Công Ty/ Approve the Report of the CEO on the business production performance of the Company in 2021 and plan in 2022. - Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021, kế hoạch SXKD năm 2022 và các định hướng phát triển/ Approve the operation report of the Board of Management in 2021, production and business plan in 2022. - Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát/ Approve the Supervisory Board's report. - Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán/ Approve for the consolidated audited financial statements for 2021. - Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021/ Approve for the plan of distribution plan of 2021 profit

STT/ No.	Số Nghị quyết/Quyết định/ Resolution/ Decision No.	Ngày/Date	Nội dung/Content
			- Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2022/ Approve the selection of an independent auditor in 2022. - Thông qua Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2022 / To approve for the Business Production Plan 2022 - Thông qua thù lao các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022/ To approve for Remuneration for Board of Management and Supervisory Board in 2022

II. Hội đồng quản trị (báo cáo năm)/ Board of Management (year report):

1. Thông tin về thành viên HĐQT/ Information of BOM members:

STT/No.	Thành viên HĐQT/ BOMs' members	Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT độc lập, thành viên HĐQT không điều hành)/(Independent BOM members, Non-executive BOM members)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập The date becoming/ceasing to be the member of the BOMs	
			Ngày bổ nhiệm/Date of appointment	Ngày miễn nhiệm/ Date of dismissal
1.	Ông/Mr. Bùi Quốc Hưng	Thành viên HĐQT không điều hành/ Non-executive BOM members	1999	
2.	Ông/Mr. Kek Chin Ann	Thành viên HĐQT không điều hành/ Non-executive BOM members	25/04/2016	
3.	Ông/Mr. Wilson Cheah Hui Pin	Thành viên HĐQT không điều hành/ Non-executive BOM members	04/12/2018	
4.	Ông/Mr. Trần Hữu Hoàng	Thành viên HĐQT không điều hành/ Non-executive BOM members	04/06/2021	
5.	Ông/Mr. Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT độc lập/ Independent BOM members	04/06/2021	

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the BOM:

TT/No.	Thành viên HĐQT/ BOM members	Số buổi họp HĐQT tham dự/Number of meetings attended by BOM members	Tỷ lệ tham dự họp/Attendance rate	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
1.	Ông/Mr. Kek Chin Ann	24	100%	
2.	Ông/Mr. Bùi Quốc Hưng	24	100%	
3.	Ông/Mr. Wilson Cheah Hui Pin	24	100%	
4.	Ông/Mr. Trần Hữu Hoàng	24	100%	
5.	Ông/Mr. Nguyễn Thành Trung	24	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám Đốc / Supervising the Chief Executive Officer by the BOM:

HĐQT đã thực hiện công tác giám sát hoạt động điều hành Công Ty của Tổng Giám Đốc và đội ngũ cán bộ quản lý, tập trung vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nhằm đảm bảo hoạt động của Công Ty luôn ổn định, triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT theo Điều lệ của Công Ty và các quy định của pháp luật.

BOM conducted its supervision over the company managing activities by the Chief Executive Officer and the manager teams, focusing on business and production fields to ensure the stability of the activities of Company, to proceed with the resolutions of the GMS and BOM and other stipulations of the law.

HĐQT đã yêu cầu Tổng Giám Đốc cung cấp thông tin và giải trình các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công Ty và các chiến lược phát triển các dự án; trình lên HĐQT các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐQT. Trên cơ sở báo cáo, HĐQT tổ chức họp xem xét, đánh giá kết quả điều hành. Trong năm 2022, Tổng Giám Đốc tiếp tục thực hiện thay đổi các quy định có liên quan đến thị trường, hệ thống phân phối ... nhằm cải thiện và chuyên nghiệp hóa đội ngũ bán hàng, giữ vững và mở rộng thị trường nội địa.

BOM requested the Chief Executive Officer to prepare report regarding the progress of BOM's resolutions, to provide information and explanation of relevant issues related to the Company's production and business activities and strategies for developing projects; to submit to BOM issues within the authorities of BOM. Based on the reports, BOM organized meetings to review, assess the result of the managing activities. In 2022, the Chief Executive Officer continued to carry out changes to the situations relating to marketing, distribution system...in order to improve and professionalize the sale team, to reinforce and to enlarge the domestic market.

4. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT (năm)/ Resolution/Decision of BOM (year):

STT/No.	Số Nghị quyết/ No. of Resolution	Ngày/ Date	Nội dung/ Contents	Tỷ lệ thông qua/ Approval rate
1.	01/2022/NQ-HĐQT	12/01/2022	Lương thưởng đối với Giám Đốc Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng/ Salary, allowance, benefits for Director of Halong Canfoco-Danang Company Limited	100%
2.	02/2022/NQ-HĐQT	25/01/2022	Quy chế Công bố thông tin/ Regulation on Information Disclosure	100%
3.	03/2022/NQ-HĐQT	28/2/2022	Kế hoạch tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2022/ Approval for the plan of organization of the Annual General Meeting Shareholders 2022	100%
4.	04/2022/NQ-HĐQT	28/2/2022	Quy chế quản lý tài chính Công Ty/ Regulation on Financial Management	100%
5.	05/2022/NQ-HĐQT	28/2/2022	Tái bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công Ty/ Re-appointment of Person in charge of corporate governance	100%
6.	05A/2022/NQ-HĐQT	28/2/2022	Mức lương người phụ trách quản trị Công Ty/ Salary of Person in charge of corporate governance	100%
7.	06/2022/NQ-HĐQT	09/03/2022	Tạm ứng chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm Soát năm 2022/ the advance payment of remuneration for members of the BOM and members of the Supervisory Board in 2022	100%
8.	07/2022/NQ-HĐQT	09/03/2022	Quy chế kiểm toán nội bộ/ Internal Audit Regulations	100%
9.	08/2022/NQ-HĐQT	08/03/2022	Tái bổ nhiệm Kế toán trưởng Công Ty/ Re-appointment of Chief Accountant of the Company	100%
10.	08A/2022/NQ-HĐQT	08/03/2022	Mức lương Kế toán trưởng Công Ty/ Salary of Chief Accountant of the Company	100%
11.	09/2022/NQ-HĐQT	10/03/2022	Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công Ty TNHH MTV Đồ Hộp Hạ Long – Đà Nẵng/ Appointment of Chief Accountant of the Halong Canfoco-Danang Company Limited	100%
12.	09A/2022/NQ-HĐQT	10/03/2022	Mức lương Kế toán trưởng Công Ty TNHH MTV Đồ Hộp Hạ Long – Đà Nẵng/	100%

STT/No.	Số Nghị quyết/ No. of Resolution	Ngày/ Date	Nội dung/ Contents	Tỷ lệ thông qua/ Approval rate
			<i>Salary of Chief Accountant of the Halong Canfoco-Danang Company Limited</i>	
13.	11/2022/NQ-HĐQT	15/03/2022	Giao Giám đốc Công ty TNHH MTV Đà Nẵng bố trí công việc, địa điểm làm việc cho Người lao động/ <i>Assign Director of Halong Canfoco – Danang Company Limited to arrange work and working place for employee</i>	100%
14.	12/2022/NQ-HĐQT	28/03/2022	Người đứng đầu chi nhánh HCM/ <i>The Head of HCM branch</i>	100%
15.	13/2022/NQ-HĐQT	28/03/2022	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2021, ngân sách, kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022, kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022, Báo cáo tài chính và Trả phần lương giữ lại của các Tổng giám đốc/ <i>Approve the profit distribution plan 2021, the Budget and business plan 2022, the proposed dividend in 2022, Financial Statements and Remaining Salary payment to CEOs</i>	100%
16.	13A/2022/NQ-HĐQT	28/03/2022	Ngân sách và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công Ty TNHH MTV Đà Nẵng/ <i>Approve the Budget and business plan in 2022 of Halong Canfoco – Danang Co. Ltd)</i>	100%
17.	14/2022/NQ-HĐQT	29/03/2022	Nhân sự tổ chức, chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022/ <i>The organizational personnel, agenda, materials for the 2022 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
18.	15A/2022/NQ-HĐQT	15/04/2022	Vay vốn thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022 tại tổ chức tín dụng/ <i>Loan to implement the 2022 production and business plan at credit organization</i>	100%
19.	15B/2022/NQ-HĐQT	15/04/2022	Vay vốn thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022 tại tổ chức tín dụng/ <i>Loan to implement the 2022 production and business plan at credit organization</i>	100%
20.	15C/2022/NQ-HĐQT	15/04/2022	Vay vốn thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022 tại tổ chức tín dụng/ <i>Loan to implement the 2022 production and business plan at credit organization</i>	100%
21.	15D/2022/NQ-HĐQT	15/04/2022	Vay vốn thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022 tại tổ chức tín dụng/ <i>Loan to implement the 2022 production and business plan at credit organization</i>	100%
22.	16A/2022/NQ-HĐQT	05/05/2022	Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021/ <i>Schedule for payment of 2021 dividend</i>	100%
23.	16B/2022/NQ-HĐQT	05/05/2022	Phân phối tiền thưởng vượt lợi nhuận năm 2021 cho các thành viên HĐQT/ <i>The distribution of bonuses exceeding 2020 profits target for BOM Members</i>	100%
24.	16C/2022/NQ-HĐQT	05/05/2022	Phân phối thù lao 2022 cho các thành viên HĐQT/ <i>The distribution of remuneration in 2022 to the BOM Members</i>	100%
25.	16D/2022/NQ-HĐQT	05/05/2022	Thù lao mới của các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên của Công Ty Đà Nẵng/ <i>Remuneration for MC Members, Supervisors of Da Nang Company</i>	100%
26.	17A/2022/NQ-HĐQT	07/6/2022	Tái bổ nhiệm Tổng giám đốc Công Ty/ <i>Re-appointment of CEO of Company</i>	100%
27.	17B/2022/NQ-HĐQT	07/6/2022	Lương Tổng giám đốc Công Ty/ <i>The salary of CEO of Company</i>	100%
28.	18/2022/NQ-HĐQT	16/6/2022	Báo tài chính quý 1 năm 2022 / <i>Approve the Financial Statement of Q1/ 2022:</i>	100%

STT/No.	Số Nghị quyết/ No. of Resolution	Ngày/ Date	Nội dung/ Contents	Tỷ lệ thông qua/ Approval rate
			Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2022 / Approve the Report of business production result from January to April 2022 Quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH MTV Hạ Long Đà Nẵng. / The Financial Management Regulation of Halong Canfoco – Danang Company Limited.	
29.	18A/2022/NQ-HĐQT	05/08/2022	Ứng dụng phần mềm tại Công ty TNHH MTV Hạ Long Đà Nẵng/ Using Software at Halong Canfoco – Danang Company Limited.	100%
30.	18B/2022/NQ-HĐQT	05/08/2022	Lương của Giám đốc Công ty TNHH MTV Hạ Long Đà Nẵng / Salary of Director at Halong Canfoco – Danang Company Limited	80%
31.	19/2022/NQ-HĐQT	19/09/2022	Tăng hạn mức tín dụng đối với khoản vay ngắn hạn tại Công Ty TNHH MTV Đồ Hộp Hạ Long – Đà Nẵng/ Increasing credit limit for a short-term loan of Halong Canfoco – Danang Co. Ltd.	100%
32.	20A/2022/NQ-HĐQT	19/10/2022	Bổ nhiệm Kế toán trưởng tại Công Ty TNHH MTV Đồ Hộp Hạ Long – Đà Nẵng/ Appointment of Chief Accountant at Halong Canfoco – Danang Co. Ltd	100%
33.	20B/2022/NQ-HĐQT	19/10/2022	Lương Kế toán trưởng tại Công Ty TNHH MTV Đồ Hộp Hạ Long – Đà Nẵng/ Chief Accountant at Halong Canfoco – Danang Co. Ltd	100%
34.	21/2022/NQ-HĐQT	24/11/2022	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công Ty/ Appointment Deputy of CEO Company	80%
35.	21A/2022/NQ-HĐQT	24/11/2022	Chi tiết công việc của Phó Tổng giám đốc Công Ty/ Job description of Deputy of CEO Company	80%
36.	21B/2022/NQ-HĐQT	24/11/2022	Lương của Phó Tổng giám đốc Công Ty/ Salary of Deputy of CEO Company	80%
37.	22/2022/NQ-HĐQT	24/11/2022	Điều lệ Công Ty TNHH MTV Đồ Hộp Hạ Long – Đà Nẵng/ Charter of Halong Canfoco – Danang Co. Ltd	100%
38.	23/2022/NQ-HĐQT	24/11/2022	Thủ tục chấp thuận chủ trương dự án/ Principe approval of project	60%
39.	24/2022/NQ-HĐQT	24/11/2022	Báo cáo KQSXKD từ tháng 1 đến tháng 9/2022/ Report on production results and financial situation from January to September 2022	100%

III. Ban kiểm soát (“BKS”)/ Supervisory Board (the “SB”):

1. Thông tin về thành viên BKS/ Information about SB Members:

STT/ No.	Thành viên BKS/ Member of SB	Chức vụ/ Postion	Ngày bắt đầu là thành viên BKS/ Date becoming member of SB	Ngày không còn là thành viên BKS/ Date no longer member of SB	Trình độ chuyên môn/ Qualification
1.	Bà/Ms. Phạm Thị Hải Yến	Trưởng ban/ Chief	26/6/2020		Cử nhân Tài chính kế toán/ Financial - accounting bachelor
2.	Ông/Mr. Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ	Thành viên/ Member	04/06/2021		Cử nhân Kinh tế và Quản trị kinh doanh/ Bachelor of Economic and Business Administration
3.	Bà/Ms. Lê Thị Quy	Thành viên/ Member	04/06/2021		Cử nhân Kế toán kiểm toán/ Bachelor of accounting and audit

2. Cuộc họp của BKS/Meetings of SB

STT/ No.	Thành viên BKS/ Member of SB	Số buổi họp tham dự/ Number of meetings attended	Tỷ lệ tham dự họp/Attenda nce rate	Tỷ lệ biểu quyết/Voting rate	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
1.	Bà/Ms. Phạm Thị Hải Yến	5	100%	100%	
2.	Ông/Mr. Nguyễn Mạnh Tuân Vũ	5	100%	100%	
3.	Bà/Ms. Lê Thị Quy	5	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BDH và cổ đông/ Supervising BOM, EB and shareholders by SB

Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2022 của HĐQT và BDH, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2022 theo các nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022.
Supervising, checking the managing activities and implementation of 2022's profit plan of BOM and EB, checking the legality, reasonability of 2022's business activities according to the GMS's resolutions.

Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và BDH.
Checking and supervising the issuance of resolutions, decisions of BOM and EB.

Xem xét báo cáo của kiểm toán viên độc lập và các báo cáo về các hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty trước khi HĐQT chấp thuận. Thảo luận trong BKS và chọn lựa công ty kiểm toán độc lập trong danh sách đề đệ trình ĐHĐCĐ 2022 phê duyệt. Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu. Các báo cáo tài chính của Công Ty và công ty con đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC Việt Nam và bảo đảm rằng các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các phương diện trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán Việt Nam cũng như các nguyên tắc khác theo quy định của pháp luật.
Checking report by independent member of the Supervisory Board and reports on internal control system of the Company before approval by BOM. Discussing in SB to select the independent audit company to submit the proposal for AGM 2022 approval. The business and production reports are tightly checking to ensure the accuracy and legality of the figures. Financial statements of Company and its subsidiary company which have audited by PwC Vietnam to ensure that these reports reflect the honesty and reasonability in terms of financial situation of the company, in accordance with the accounting standard of Vietnam, the accounting regime of Vietnam and other regulations of the law.

Trong năm 2022, BKS đã họp năm lần với nội dung thông qua kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 của Công Ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC và thảo luận kế hoạch hoạt động 2022 và quyết định thông qua phân phối thưởng vượt kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công Ty.
In 2022, the SB had five meetings to go through the 2021 Annual financial statement which had been audited by PwC Vietnam and discussion for the SB plan 2022 and Decision decided to approve the distribution of bonus of 2021.

Soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 và kiểm tra việc tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại nhà máy Hải Phòng và Đà Nẵng.
Review and check the first half 2022 Financial report and site check for compliance in business activities of factories in Hai Phong and Da Nang.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác/The Coordination among the SB with BOM, EB and other managers:

Phối hợp với Ban điều hành và các bộ phận khác có liên quan trong việc giải trình số liệu cho Công ty kiểm toán PwC.

Coordinating with EB and relevant departments on the explanation of figures to audit PwC company.

5. Hoạt động khác của BKS / Other activities: Không/None.

IV. Ban điều hành ("BDH")/Executive Board (the "EB")

STT/ No.	Thành viên BĐH/Members of EB	Ngày tháng năm sinh/ Date of birth	Trình độ chuyên môn/ Qualification	Ngày bổ nhiệm thành viên BĐH/ Date of appointment of members of the EB	Ngày miễn nhiệm thành viên BĐH/ Date of dismissal of members of the EB
1	Ông/Mr. Trương Sỹ Toàn	07/09/1969	Quản trị kinh doanh	10/06/2021	
2	Bà/Ms. Phạm Thị Thu Nga	19/12/1965	Tài chính kế toán	25/11/2022	

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

STT/ No.	Họ và tên/ Name	Ngày tháng năm sinh/ Date of birth	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ/ Qualification	Ngày bổ nhiệm/ Date of appointment	Ngày miễn nhiệm/ Date of dismissal
1.	Bà/Ms. Bùi Thị Hương	20/04/1984	Kế toán kiểm toán	01/04/2021	

VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance: Không có/None

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm) và giao dịch của người có liên quan của Công Ty với chính Công Ty/The list of affiliated persons of the public company (annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)

1. Danh sách về người có liên quan của Công Ty/List of affiliated persons of the Company: Phụ lục/ Appendix 01

2. Giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan của Công Ty hoặc giữa Công Ty với cổ đông lớn, người có liên quan của người nội bộ / Transactions between the Company and the affiliated persons or between the Company with major shareholder, internal persons and related persons of internal persons: Không/None

3. Giao dịch giữa người nội bộ Công Ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: Không/None.

4. Giao dịch giữa Công Ty với các đối tượng khác/ Transaction between the company and other objects:

4.1 Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám Đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây/ Transactions between the company and the company that members of BOM, members of the SB, Chief Executive Officer has been a founding member or members of BOM, Chief Executive Officer in three years (calculated at the time of reporting): Không/ None.

4.2 Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám Đốc điều hành là thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc điều hành/ Transactions between the company and the company that related person of members of BOM, members of the SB, Chief Executive Officer as a member BOM, Chief Executive Officer : Không/ None.

4.3 Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám Đốc điều hành/ Other transaction of the company (if any) may be beneficiary material or immaterial for members of BOM, members of the SB, Chief Executive Officer : Không/ None.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ /Transactions of internal persons and related person of internal person:

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/List of internal persons and their affiliated persons: Phụ lục/ Appendix 02

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết / Transactions of internal persons and related person of internal person (annual report): Không/ None.

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác / Other significant issues: Không/None.

Nơi nhận/Addressees: (03 bản):

- UBCK NN (bản chính)/SSC (original);
- SGDCK Hà Nội (CIMS)/ HNX;
- HĐQT, BKS, BDH (bản sao y);
- Lưu Phòng HCNS (02 bản chính)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ ON BEHALF OF BOARD
OF MANAGEMENT
CHỦ TỊCH/ CHAIRMAN



KEK CHIN ANN

PHỤ LỤC/ APPENDIX 01:
Danh sách về người có liên quan của Công Ty/List of affiliated persons of the Company

STT/ No.	Tên tổ chức/ Name of organiza- tion/ individual	TK GDCK (nếu có)/ Security tradig account (if any)	Chức vụ tại Công Ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số CMND /ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp/ ID/Passport no., date, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan/ Time of ending to be affiliate d person	Lý do/Reason	Mối quan hệ liên quan với Công Ty/ Relationship with the Company
A. Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ Internal persons and related persons of internal persons									
I. Hội Đồng Quản Trị/Board of Management									
1.	Ông/Mr. Kek Chin Ann		Chủ tịch HĐQT/ Chairman of BOM			25/04/20 16			Người đại diện theo pháp luật của Công Ty; Người nội bộ/ Legal representative of Company; Internal person
2.	Ông/Mr. Nguyễn Thành Trung		Phó Chủ tịch HĐQT/ Vice Chairman of BOM;			04/06/20 21			Người nội bộ/ Internal person
3.	Ông/Mr. Bùi Quốc Hưng		Thành viên HĐQT/ Member of BOM			1999			Người nội bộ/ Internal person
4.	Ông/Mr. Wilson Cheah Hui Pin		Thành viên HĐQT/ Member of BOM			04/12/ 2018			Người nội bộ/ Internal person

D.M.
Đ
N

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of organizatio n/individual	TK GDCK (nếu có)/ Security account (if any)	Chức vụ tại Công Ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số CMND /ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp/ ID/Passport no., date, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan/ Time of ending to be affiliate d person	Lý do/Reason	Mối quan hệ liên quan với Công Ty/ Relationship with the Company
5.	Ông/Mr. Trần Hữu Hoàng	0237501 tại Cty TNHH Chứng khoán Yuantia Việt Nam	Thành viên HĐQT/Member of BOM			04/06/20 21			Người nội bộ/ Internal person;
II. Thành viên BKS/ Supervisory Board									
6.	Bà/Ms. Phạm Thị Hải Yến		Trưởng BKS/Chief of SB			26/6/202 0			Người nội bộ/ Internal person
7.	Ông/Mr. Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ		Thành viên BKS/ Member of Supervisory Board			04/06/20 21			Người nội bộ/ Internal person;
8.	Bà/Ms.Lã Thị Quy		Thành viên BKS/ Member of Supervisory Board			04/06/20 21			Người nội bộ/ Internal person
III. Thành viên Ban điều hành/ Executive Board									
9.	Ông/Mr. Trương Sỹ Toàn		Tổng Giám Đốc/ Chief Executive Officer			10/6/202 1			Người nội bộ/ Internal person
10.	Bà/Ms. Phạm Thị Thu Nga	HASECO 012C001 841	Phó Tổng Giám Đốc/ Deputy of			25/11/20 22			Người nội bộ/ Internal person

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of organizatio n/individual	TK GDCK (nếu có)/ Security tradig account (if any)	Chức vụ tại Công Ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số CMND /ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp/ ID/Passport no., date, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan/ Time of ending to be affiliate d person	Lý do/Reason	Mối quan hệ liên quan với Công Ty/ Relationship with the Company
IV. Kế toán trưởng/ Chief Accountant									
11.	Bà/ Ms. Bùi Thị Hương		Kế toán trưởng/ Chief accountant			01/04/20 21			Người nội bộ/ Internal person
V. Thư ký Công Ty, Người phụ trách quản trị Công Ty, Người được ủy quyền CBTT/ Company's Secretary, Person in charge corporate governance, Authorized information discloser									
12.	Bà/ Ms. Nguyễn Thị Thủy Tiên		Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty/ Company's Secretary, Person in charge corporate governance			24/11/20 20			Người nội bộ/ Internal person
13.	Ông/Mr. Cao Nhật Huy		Người được ủy quyền Công bố thông tin/ Authorized information discloser			26/1/202 2		Bổ nhiệm/ Appoint ment	Người nội bộ/ Internal person
14.	Ông/Mr. Trần Công Toàn		Người được ủy quyền Công bố thông tin/			0	26/1/20 22	Miễn nhiệm,/	Người nội bộ/ Internal person

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of organizatio n/individual	TK GDCK (nếu có)/ Security tradig account (if any)	Chức vụ tại Công Ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số CMND /ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp/ ID/Passport no., date, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan/ Time of ending to be affiliate d person	Lý do/Rea son	Mối quan hệ liên quan với Công Ty/ Relationship with the Company
VI.	Người liên quan của người nội bộ (bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, em rể, chị dâu, em dâu của người nội bộ)/ Related persons of internal persons (his/her biological parent, adoptive parent, father- or mother-in-law, spouse, biological child, son- or daughter-in-law, sibling, brother- or sister-in-law)								
Xem danh sách tại Phụ lục 2/ Refer to Appendix 02									
B. Cổ đông lớn/ Major Shareholder									
15.	Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP/ Vietnam Seaproducts Joint Stock Corporation					11/2019			Doanh nghiệp sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp/ Enterprise owning more than 10% of voting shares or contributed capital
C. Công ty con/ Subsidiary Company									
16.	Công Ty TNHH MTV Đồ Hộp Hạ Long - Đà Nẵng/ Halong Canfoco – Danang					07/01/2011			Công ty con/ Subsidiary Company

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of organizatio n/individual	TK GDCK (nếu có)/ Security tradig account (if any)	Chức vụ tại Công Ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số CMND /ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp/ ID/Passport no., date, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan/ Time of ending to be affiliated person	Lý do/Reason	Mối quan hệ liên quan với Công Ty/ Relationship with the Company
	Company Limited								
17.	Ông/Mr. Wilson Cheah Hui Pin		Xem A.I – Hội Đồng Quản Trị/ Refer to A.I Board Of Management						Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên, Người đại diện theo pháp luật của Công Ty TNHH MTV Đồ Hộp Hạ Long - Đà Nẵng/ Chairman of Members' Council; Legal representative of Halong Canfoco – Danang Company Limited Giám Đốc Công Ty TNHH MTV Đồ Hộp Hạ Long - Đà Nẵng/ Director Of Halong Canfoco – Danang Company Limited
18.	Ông/Mr. Trần Hữu Hoàng		Xem A.I – Hội Đồng Quản Trị/ Refer to A.I Board Of Management						Thành viên Hội Đồng Thành Viên Công Ty TNHH MTV Đồ Hộp Hạ Long - Đà Nẵng/ Member of Members' Council of Halong Canfoco – Danang Company Limited

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of organizatio n/individual	TK GDCK (nếu có)/ Security tradig account (if any)	Chức vụ tại Công Ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số CMND /ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp/ ID/Passport no., date, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan/ Time of ending to be affiliate d person	Lý do/Reason	Mối quan hệ liên quan với Công Ty/ Relationship with the Company
19.	Ông/Mr. Trương Sỹ Toàn		Xem A.III - Thành viên Ban điều hành/ / Refer to A.III Executive Board						Thành viên Hội Đồng Thành Viên Công Ty TNHH MTV Đỗ Hợp Hạ Long - Đà Nẵng/ Member of Members' Council of of Halong Canfoco – Danang Company Limited

PHỤ LỤC/ APPENDIX 02
Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/List of internal persons and their affiliated persons

STT/ No.	Họ tên/ Name	TK GDCK (nếu có)/ Security tradig account (if any)	Chức vụ tại Công Ty (nếu có)/ Position at the Companh (if any)	Số CMND /ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp/ ID/Passport no., date, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Num ber of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
I.	Hội Đồng Quản Trị/ Board Of Management							
20.	Ông/Mr. Kek Chin Ann		Chủ tịch HĐQT/ Chairman of BOM	A54453124, ngày cấp/ issuance dated 08/08/2021, tại/at Malaysia	Batu, Pahat, Johor, Malaysia	0	0	
20.1.	Con/Son: Timothy Kek Zhi Yang		Không/None			0	0	
20.2.	Con/Son: Nicholas Kek Zhi Hao		Không/None			0	0	
21.	Ông/Mr. Nguyễn Thành Trung		Phó Chủ tịch HĐQT/ Vice Chairman of BOM;			0	0	
21.1.	Bố/ Father: Nguyễn Hải Đăng		Không/None			0	0	
21.2.	Mẹ/ Mother: Nguyễn Thị Phương		Không/None			0	0	
21.3.	Chị/ Sister: Nguyễn Thị Hà		Không/None			0	0	
21.4.	Chị/ Sister: Nguyễn Hải An		Không/None			0	0	
21.5.	Anh/ Brother: Nguyễn Trần Bắc		Không/None			0	0	



STT/ No.	Họ tên/ Name	TK GDCK (nếu có)/ Security tradig account (if any)	Chức vụ tại Công Ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số CMND /ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp/ ID/Passport no., date, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Num ber of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
21.6.	Em/ Sister: Nguyễn Ngọc Thủy		Không/None			0	0	
21.7.	Vợ/Wife: Nguyễn Thị Tường Vy		Không/None			0	0	
21.8.	Con/ Child: Nguyễn Đoãn Minh Khôi		Không/None			0	0	
21.9.	Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP/ Vietnam Seaproducts Joint Stock Corporation		Không/None			1.387.36 0	27,75%	Phó Tổng giám đốc/ Deputy Chief Executive Officer
21.10.	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội/ Seaprodex Hanoi Joint Stock Company		Không/None			0	0	Thành viên Hội đồng quản trị/ BOM Member
21.11.	CTCP Công nghiệp Thủy sản/ Seaproducts Mechanical Shareholding Company		Không/None			0	0	Thành viên Hội đồng quản trị/ BOM Member
22.	Ông/Mr. Bùi Quốc Hưng		Thành viên HĐQT/ Member of BOM			16.500	0,33%	
22.1.	Vợ/ Wife: Trần Thị Thu Hà		Không/None			0	0	
22.2.	Con/Child: Bùi Nhật Hạ Hương		Không/None			0	0	

STT/ No.	Họ tên/ Name	TK GDCK (nếu có)/ Security tradig account (if any)	Chức vụ tại Công Ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số CMND /ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp/ ID/Passport no., date, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Num ber of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
22.3.	Con/Child: Bùi Quốc Khải		Không/None			0	0	
22.4.	Con/Child: Bùi Quốc Quân		Không/None			0	0	
23.	Ông/Mr. Wilson Cheah Hui Pin		Thành viên HĐQT/ Member of BOM			119.300	2,39%	
23.1.	Vợ/Wife: Lê Minh Hà		Không/None			274.190	5.483%	
24.	Ông/Mr. Trần Hữu Hoàng	0237501 tại Công ty TNHH Chứng khoán Yuantu Việt Nam	Thành viên HĐQT/Member of BOM			750.000	15%	Đại diện phần vốn của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP
24.1.	Vợ/ Wife: Trần Thị Phương Trúc	026C126 357 tại Công ty cổ phần chứng khoán VPS-CN TP.HCM	Không/None			0	0	
24.2.	Con ruột/ Son: Trần Lâm		Không/None			0	0	
24.3.	Con ruột/ Son: Trần Long		Không/None			0	0	

STT/ No.	Họ tên/ Name	TK GDCK (nếu có)/ Security tradig account (if any)	Chức vụ tại Công Ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số CMND /ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp/ ID/Passport no., date, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Num ber of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
24.4.	Cha ruột/ Father: Trần Hữu Hạnh		Không/None			0	0	
24.5.	Mẹ ruột/ Mother: Nguyễn Thị Thanh		Không/None			0	0	
24.6.	Cha vợ/ Father –in- law: Trần Văn Dég		Không/None			0	0	
24.7.	Mẹ vợ/ Mother-in-law: Phan Thị Suong		Không/None			0	0	
24.8.	Em ruột/ Sister: Trần Thị Trang		Không/None			0	0	
24.9.	Em rể/ Brother-in-law: Dương Văn Nghĩa		Không/None			0	0	
24.10.	Em ruột/ Brother: Trần Hữu Dũng		Không/None			0	0	
24.11.	Em dâu/ Sister-in-law: Nguyễn Thị Hiền		Không/None			0	0	
24.12.	Em ruột/ Sister: Trần Thị Anh Đào		Không/None			0	0	
24.13.	Em rể/ Brother-in-law: Võ Khánh Tuyên		Không/None			0	0	
24.14.	Em ruột/ Brother: Trần Anh Vũ		Không/None			0	0	
24.15.	Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP/ Vietnam Seaproducts Joint Stock Corporation		Không/None			1.387.36 0	27,75%	Trưởng Phòng Quản lý Danh mục đầu tư/ Head of

STT/ No.	Họ tên/ Name	TK GDCK (nếu có)/ Security trading account (if any)	Chức vụ tại Công Ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số CMND /BKGD, ngày cấp, nơi cấp/ ID/Passport no., date, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Num ber of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
								Portfolio Management
24.16.	CTCP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Mỹ/ Phu My Trading – Manufacturing – Service Joint Stock Company		Không/None			0	0	Thành viên Hội đồng quản trị/ BOM Member
24.17.	CTCP Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam/ Viet Nam Fishery Mechanical/ Shipbuilding JSC		Không/None			0	0	Trưởng Ban kiểm soát/ Head of of Supervisory Board
24.18.	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn/ Nam Can Seaproducts Import Export Joint Stock Company		Không/None			0	0	Trưởng Ban kiểm soát/ Head of of Supervisory Board
24.19.	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung/ Da Nang Seaproducts Import - Export Corporation		Không/None			0	0	Thành viên Hội đồng quản trị/ BOM Member
24.20.	CTCP Vật tư Thủy sản Việt Nam/ Vietnam Fishery Material Joint Stock Company					0	0	Thành viên Hội đồng quản trị/ BOM Member
II. Ban Kiểm Soát/ Supervisory Board								
25.	Bà/Ms. Phạm Thị Hải Yến		Trưởng BKS/Chief of SB			0	0	

STT/ No.	Họ tên/ Name	TK GDCK (nếu có)/ Security tradig account (if any)	Chức vụ tại Công Ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số CMND /BKGD, ngày cấp, nơi cấp/ ID/Passport no., date, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Num ber of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
25.1.	Mẹ/ Mother: Đặng Thị Tuất		Không/None			0	0	
25.2.	Em/ Brother: Phạm Minh Tuấn		Không/None			0	0	
25.3.	Con/ Daughter: Ngô Hoàng Yến Nhi		Không/None			0	0	
26.	Ông/Mr. Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ		Thành viên BKS/ Member of Supervisory Board			637,360	12.75%	Đại diện phần vốn của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP
26.1.	Bố/ Father: Nguyễn Văn Hiển		Không/None			0	0	
26.2.	Mẹ/ Mother: Nguyễn Thị Nhưng		Không/None			0	0	
26.3.	Vợ/ Wife: Đào Nguyễn Kim Thoa		Không/None			0	0	
26.4.	Con/ Child: Nguyễn Đào An Tuệ		Không/None			0	0	
26.5.	Anh/ Brother: Nguyễn Mạnh Tuấn		Không/None			0	0	
26.6.	Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP/ Vietnam Seaproducts Joint Stock Corporation		Không/None			1.387.360	27,75%	Phó Trưởng phòng Quản lý Danh mục đầu tư

STT/ No.	Họ tên/ Name	TK GDCK (nếu có)/ Security tradig account (if any)	Chức vụ tại Công Ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số CMND /ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp/ ID/Passport no., date, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Num ber of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
26.7.	CTCP Thủy sản số 5/ Seaproducts Joint Stock No 5		Không/None			0	0	Thành viên Hội đồng quản trị/ BOM Member
27.	Bà/Ms.Lã Thị Quy		Thành viên BKS/ Member of Supervisory Board			0	0	
27.1.	Mẹ chồng/ Mother-in-law: Vũ Thị Minh		Không/None			0	0	
27.2.	Mẹ đẻ/ Mother: Nguyễn Thị Quý		Không/None			0	0	
27.3.	Chị/Sister: Lã Bích Hường		Không/None			0	0	
27.4.	Chị/Sister: Lã Thị Hải Yên		Không/None			0	0	
27.5.	Chị/Sister: Lã Thị Minh		Không/None			0	0	
27.6.	Chồng/Husband: Lê Quang Hiệp		Không/None			0	0	
27.7.	Con/ Child: Lê Bảo An		Không/None			0	0	
27.8.	Con/ Child: Lê Nguyễn An		Không/None			0	0	
27.9.	Anh rể/ Brother-in-law: Hà Minh Thành		Không/None			0	0	



STT/ No.	Họ tên/ Name	TK GDCK (nếu có)/ Security tradig account (if any)	Chức vụ tại Công Ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số CMND /ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp/ ID/Passport no., date, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Num ber of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
27.10.	Anh rể/ Brother-in-law: Bùi Đặng Thanh		Không/None			0	0	
27.11.	Anh rể/ Brother-in-law: Nguyễn Lệnh Vượng		Không/None			0	0	
III. Ban Điều Hành/ Executive Board								
28.	Ông/Mr. Trương Sỹ Toàn		Tổng Giám Đốc/ Chief Executive Officer			0	0	
28.1.	Vợ/ Wife: Nguyễn Thị Ngọc Hà		Không/None			0	0	
28.2.	Con trai/ Son: Trương Hoàng Anh		Không/None			0	0	
28.3.	Con gái/ Daughter: Trương Ngọc Khuê		Không/None			0	0	
29.	Bà/ Ms. Phạm Thị Thu Nga	HASECO 012C001 841 Mirae: 077C981 866	Phó Tổng Giám Đốc/ Vice Chief Executive Officer			2000	0.04	
29.1.	Chồng/ Husband: Lương Thế Ngọc		Không/None					
29.2.	Con/ Son: Lương Thế Hùng	SSI: 003C310 044 TVSI:	Không/None			6300	0.12	

03.
NG
Ổ P
ỘP
LONG
SYE

STT/ No.	Họ tên/ Name	TK GDCK (nếu có)/ Security tradig account (if any)	Chức vụ tại Công Ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số CMND /ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp/ ID/Passport no., date, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Num ber of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
29.3.	Con/ Daughter: Lương Thị Ngọc Minh	044C865 689 TCBS: 105C963 667	Không/None					
IV. Kế toán trưởng/ Chief Accountant								
30.	Bà/ Ms. Bùi Thị Hương		Kế toán trưởng/ Chief accountant			0	0	
30.1.	Bố đẻ/Father: Bùi Công Hải		Không/None			0	0	
30.2.	Mẹ đẻ/Mother: Nguyễn Thị Ong		Không/None			0	0	
30.3.	Bố chồng/Father-in-law: Đặng Đức Quyền		Không/None			0	0	
30.4.	Mẹ chồng/Mother-in-law: Hoàng Thị Mài		Không/None			0	0	
30.5.	Chồng/Husband: Đặng Đức Kiên		Không/None			0	0	
30.6.	Con đẻ/Child: Đặng Đức An		Không/None			0	0	
30.7.	Con đẻ/Child: Đặng Đức Phúc		Không/None			0	0	
V. Thư ký Công Ty, Người phụ trách quản trị Công Ty, Người được ủy quyền CBTT/ Company's Secretary, Person in charge corporate governance, Authorized information discloser								

475
TY
HÀ
IA L
CAN
N-TR

STT/ No.	Họ tên/ Name	TK GDCK (nếu có)/ Security tradig account (if any)	Chức vụ tại Công Ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số CMND /ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp/ ID/Passport no., date, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Num ber of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
31.	Bà/ Ms. Nguyễn Thị Thùy Tiên		Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty/ Company's Secretary, Person in charge corporate governance			0	0	
31.1.	Cha/Father: Nguyễn Văn Chiến		Không/ None			0	0	
31.2.	Mẹ/ Mother: Lê Thị Ngọc Thùy		Không/ None			0	0	
31.3.	Em/Sister: Nguyễn Cẩm Tú		Không/ None			0	0	
32.	Ông/Mr. Trần Công Toàn		Người được ủy quyền Công bố thông tin/ Authorized information discloser			0	0	Miễn nhiệm ngày/ Appointment dated 26/1/2022
33.	Ông/Mr. Cao Nhật Huy		Người được ủy quyền Công bố thông tin/ Authorized information discloser			0	0	Bổ nhiệm ngày/ Appointment dated 26/1/2022
33.1.	Vợ/Wife: Phạm Thị Thu Hiền		Không/ None			0	0	

NG
CO
HÀ

STT/ No.	Họ tên/ Name	TK GDCK (nếu có)/ Security tradig account (if any)	Chức vụ tại Công Ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số CMND /ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp/ ID/Passport no., date, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Num ber of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
33.2.	Con/ Daughter: Cao Phạm Minh Anh		Không/ None			0	0	
33.3.	Con/ Daughter: Cao Phạm Bảo Diệp		Không/ None			0	0	